

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm tập trung xe ô tô phục vụ công tác chung năm 2026 tỉnh Hưng Yên (lần 2).
- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung năm 2026 tỉnh Hưng Yên.
- Nguồn vốn: Phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Địa điểm cung cấp: các đơn vị sử dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hoá phải có xuất xứ rõ ràng, mới 100% chưa qua sử dụng, đồng bộ nguyên chiếc.
- Nhà thầu cam kết khi giao hàng phải bàn giao đầy đủ các giấy tờ sau:
 - + Chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O do cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp và giấy chứng nhận chất lượng C/Q - đối với hàng hoá nhập khẩu;
Hoặc Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng – đối với hàng hoá sản xuất trong nước;
 - + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - + Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.
- Giá dự thầu đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, nhập khẩu (nếu có), đào tạo chuyển giao công nghệ, bảo hành, bảo trì và toàn bộ các chi phí khác có liên quan.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

a) Xe ô tô 5 chỗ loại 1

ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA HÀNG HOÁ		
KÍCH THƯỚC & TRỌNG LƯỢNG		
Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C)	mm	4460 x 1825 x 1620
Chiều dài cơ sở	mm	2640
Vết bánh xe (Trước/Sau)	mm	1560/1570
Khoảng sáng gầm xe	mm	161
Bán kính vòng quay tối thiểu	m	5,2
Trọng lượng không tải	Kg	1410
Trọng lượng toàn tải	Kg	1850
Dung tích bình nhiên liệu	L	36

Dung tích khoang hành lý		L	440
Động cơ xăng	Loại động cơ		2ZR-FXE
	Số xy lanh		4
	Bố trí xy lanh		Thẳng hàng
	Dung tích xy lanh	cc	1798
	Tỉ số nén		13
	Hệ thống nhiên liệu		Phun xăng điện tử
	Loại nhiên liệu		Xăng
	Công suất tối đa	(Kw)hp@rpm	(72)97/5200
	Mômen xoắn tối đa	Nm@rpm	142/3600
Động cơ điện	Công suất tối đa (kw)	Kw	53
	Mô men xoắn tối đa	Nm	163
Pin Hybrid	Loại/Type		Pin lithium
Khí thải và mức tiêu hao nhiên liệu	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)	Trong đô thị		3,01
	Ngoài đô thị		4,05
	Kết hợp		3,67
TRUYỀN LỰC			
Loại dẫn động			Dẫn động cầu trước
Hộp số			Số tự động vô cấp/CVT
Chế độ lái			3 chế độ lái (Bình thường/mạnh mẽ/tiết kiệm), Lái điện
KHUNG GÀM			
Hệ thống treo	Trước		MacPherson với thanh cân bằng
	Sau		Bán phụ thuộc, dạng thanh xoắn với thanh cân bằng
Hệ thống lái	trợ lực lái		trợ lực điện
Vành & lốp xe	Loại vành		Hợp kim
	Kích thước lốp		225/50R18
Phanh	Trước, Sau		Đĩa
NGOẠI THẤT			
Cụm đèn trước/Headlamp	Đèn chiếu gần, Đèn chiếu xa		LED
	Đèn chiếu sáng ban ngày		LED
	Hệ thống điều khiển đèn tự động		Có
	Hệ thống nhắc nhở đèn sáng		Có
	Hệ thống cân bằng góc chiếu		Chỉnh cơ
	Chế độ đèn chờ dẫn đường		Có
Cụm đèn sau	Đèn báo phanh trên cao		LED
Đèn sương mù	Trước		LED
Gương chiếu hậu ngoài	Chức năng điều chỉnh điện		Có
	Chức năng gập điện		Tự động
	Tích hợp đèn báo rẽ		Có
	Chức năng tự điều chỉnh khi lùi		Có

Gạt mưa	Trước	Gạt mưa tự động
	Sau	Gián đoạn/Liên tục
Chức năng sấy kính sau		Có
Thanh đỡ nóc xe		Có
NỘI THẤT		
Cụm đồng hồ trung tâm	Loại đồng hồ	Kỹ thuật số
	Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu	Có
	Màn hình hiển thị đa thông tin	12,3"
Tay lái	Chất liệu	Da
	Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
	Điều chỉnh	Chỉnh tay 4 hướng
Gương chiếu hậu trong		Chống chói tự động
Ghế	Chất liệu	Da
	Ghế lái	Chỉnh điện 8 hướng
	Ghế hành khách trước	Chỉnh cơ 4 hướng
	Ghế sau	Gập 60:40, ngả lưng ghế
TIỆN NGHI		
Kính trần toàn cánh		Có
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm		Có
Hệ thống điều khiển hành trình		Có
Hệ thống điều hòa		Tự động 2 vùng
Cửa gió sau		Có
	Màn hình	Cảm ứng 10"
	Số loa	6
Hệ thống âm thanh	Cổng kết nối USB	Có
	Kết nối điện thoại thông minh không dây	Có
Khóa cửa điện, Chức năng khóa cửa từ xa		Có
Cửa sổ điều chỉnh điện		Tất cả 1 chạm lên/xuống, chống kẹt
Mở cốp rãnh tay		Có
Hệ thống sạc không dây		Có
AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM		
Hệ thống báo động		Có
Hệ thống mã hóa khóa động cơ		Có
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG		
Hệ thống an toàn	Cánh báo tiền va chạm/PCS	Có
	Cánh báo chệch làn đường/LDA	Có
	Hỗ trợ giữ làn đường/LTA	Có
	Điều khiển hành trình chủ động/DRCC	Có
	Điều chỉnh đèn chiếu xa tự động/AHB	Có
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp/TPWS		Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù/BSM		Có
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/RCTA		Có
Phanh hỗ trợ đỗ xe/PKSB		Có

Hệ thống chống bó cứng phanh/ABS	Có
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp/BA	Có
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử/EBD	Có
Hệ thống cân bằng điện tử/VSC	Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo/TRC	Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc/HAC	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp/EBS	Có
Camera toàn cảnh 360°/PVM	Có
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe/Sensor	8
AN TOÀN BỊ ĐỘNG	
Số lượng túi khí	7
CÁC YÊU CẦU KHÁC	
Thời gian bảo hành	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng xe ô tô bảo hành tối thiểu 3 năm hoặc 100.000 km.
Địa điểm cung cấp	1. Trụ sở UBND xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên 2. Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thần Khê, tỉnh Hưng Yên
Màu sắc	Đen
Năm sản xuất	2026

b) Xe ô tô 5 chỗ loại 3

ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA HÀNG HOÁ	
KÍCH THƯỚC- KHỐI LƯỢNG	
D x R x C (mm)	4.640 x 1.815 x 1.730
Chiều dài cơ sở (mm)	2.670
Khoảng sáng gầm xe (mm)	220
Bán kính quay vòng tối thiểu (m)	5.4
Số chỗ ngồi	05
Dung tích khoang hành lý	505 lít (tối đa 1775 lít)
Kích cỡ lốp & mâm	225/60 R17
ĐỘNG CƠ- HỘP SỐ	
Loại động cơ	Động cơ Boxer®, máy xăng 4 xy-lanh nằm ngang đối xứng, DOHC 16 van, phun nhiên liệu trực tiếp
Dung tích động cơ	1995 cc
Dung tích bình nhiên liệu (L)	63L

Hộp số		Hộp số vô cấp Lineartronic CVT với 7 cấp số ảo kết hợp lấy chuyển số sau vô lăng
Công suất cực đại		156 PS @ 6000 vòng/phút
Momen xoắn cực đại		196 Nm @ 4000 vòng/phút
KHẢ NĂNG VẬN HÀNH & MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU		
Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
Mức tiêu thụ nhiên liệu		7,8 L/100 km (hỗn hợp) 10,2 L/100 km (trong đô thị) 6,4 L/100km (ngoài đô thị)
Khả năng tăng tốc từ 0 - 100 km/h		10,3 giây
Tốc độ tối đa		193 km/h
NGOẠI THẤT		
Cụm đèn trước	Đèn chiếu gần	LED
	Đèn chiếu xa	LED
	Đèn chạy ban ngày	LED
Đèn sương mù trước		Có
Đèn sương mù sau LED		LED
Đèn pha LED tự động bật tắt		Có
Điều chỉnh độ cao chùm sáng đèn pha		Có (chỉnh tay)
Thanh buộc hành lý nóc xe		Có
NỘI THẤT		
Ghế bọc da		Có
Vô lăng bọc da		Có
Vô lăng điều chỉnh		Có, 4 hướng
Màn hình cảm ứng trung tâm		8” tích hợp Apple CarPlay, Android Auto và Bluetooth
Chìa khóa thông minh và Khởi động nút bấm		Có
Điều hoà tự động 2 vùng độc lập		Có
Ghế lái chỉnh điện		Có, 8 hướng
Ghế phụ chỉnh điện		Có, 8 hướng
Tựa đầu hàng ghế trước có thể điều chỉnh độ cao và độ nghiêng		Có
Ghế sau điều chỉnh độ nghiêng		Có

Móc treo mở rộng cho khoang hành lý	Có
Chế độ lái thông minh Subaru SI-DRIVE với chế độ S (Thể thao) và I (Thông minh)	có
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG	
Hệ dẫn động 4 bánh toàn thời gian đối xứng S-AWD*	có
Chế độ vượt địa hình X-MODE	Có
Điều biến Mô-men xoắn chủ động (ATV)	Có
Hệ thống treo độc lập 4 bánh	Có
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) kết hợp Phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
Hệ thống hỗ trợ phanh (BAS) & ưu tiên chân phanh (BOS)	Có
Hệ thống cân bằng điện tử (VDC)	Có
Giữ phanh tự động (AVH)	Có
Phanh tay điện tử	Có
Trợ lực lái điện	có
Số loa	6 loa
TÍNH NĂNG AN TOÀN PHÒNG TRÁNH VA CHẠM	
Hệ thống hỗ trợ người lái tiên tiến EyeSight 4.0	Có
Camera lùi và cảm biến lùi	Có
Cửa kính chỉnh điện chống kẹt	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
Chốt khóa trẻ em ở cửa sau	Có
AN TOÀN BỊ ĐỘNG	
Nền tảng khung gầm toàn cầu Subaru (SGP)	Có
CÁC YÊU CẦU KHÁC	
Thời gian bảo hành	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng xe ô tô bảo hành tối thiểu 05 năm và không giới hạn số Kilomet
Địa điểm cung cấp	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Số 613 đường Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Màu sắc	Xanh rêu
Năm sản xuất	2024 trở lại đây

Lưu ý:

- Mọi tên model, chủng loại, thương hiệu bất kỳ nào xuất hiện tại mục này (kể cả trong trường hợp không có thuật ngữ hoặc tương đương phía sau) chương này đều chỉ mang tính tham khảo, không mang ý nghĩa bắt buộc. Nhà thầu có thể chào theo các model, chủng loại, thương hiệu đó hoặc bất kỳ model, chủng loại, thương hiệu khác nhưng phải đáp ứng bằng (tức là tương đương) hoặc cao hơn các điều kiện kỹ thuật quy định ở trên;

- Thuật ngữ “hoặc tương đương” tại E-HSMT này được hiểu là tương đồng về tiêu chuẩn sản xuất, công nghệ chế tạo, tính năng - hiệu quả - hiệu suất sử dụng.....;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hoá có thông số kỹ thuật tương đương, Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh tính tương đương của thông số kỹ thuật, hàng hoá đó.

- Đối với thông số kỹ thuật về kích thước và khối lượng tịnh của hàng hóa chỉ mang tính chất tương đối.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải có đại lý hoặc trung tâm bảo hành có khả năng sẵn sàng để thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư/ đơn vị sử dụng .

- Cung cấp phụ tùng/linh kiện thay thế ≥ 10 năm kể từ ngày hết thời hạn bảo hành.

- Đảm bảo chất lượng, kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho từng đơn vị sử dụng.

- Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ các đơn vị sử dụng trong quá trình đăng ký, đăng kiểm xe.

- Cách thức thực hiện: Chủ đầu tư sẽ ký thoả thuận khung với Nhà thầu được lựa chọn cung cấp tài sản và quy định mẫu hợp đồng mua sắm làm cơ sở cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm với nhà cung cấp theo mẫu tại E-HSMT;

- Điều kiện xét duyệt trúng thầu là giá đề nghị trúng thầu của từng phần (lô) đảm bảo không vượt mức giá của từng phần (lô) quy định tại Bảng X (*webform trên hệ thống*)

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa khi giao hàng.

- Kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa cung cấp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.

- Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư/ đơn vị sử dụng trước ít nhất là 02 ngày trước khi tiến hành bàn giao hàng hoá.